

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2023/HN&GD-ST

Ngày: 03-3-2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Thúy Nga;

2/ Bà Nguyễn Thị Mến.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 530/2022/TLST-HN&GD ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HN&GD ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1983;

Nơi thường trú: Số 559/1 tổ 3, khu phố 3, phường T C, quận c, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: phường a, quận b, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Trung L – Luật sư Công ty luật TNHH Lộc P & Thịnh thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Bùi Quốc P, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố 3, thị trấn DT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. (hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức)

Tại phiên tòa, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh P tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện Đức Linh; sau khi đi đến hôn nhân thì cuộc sống hôn nhân của chị D và anh P rất hạnh P; tuy nhiên vào khoảng đầu năm 2018 thì anh P thường xuyên đánh

bạc, không tu chí làm ăn, phát tán tài sản của gia đình, vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 22 năm tù và đang đi chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức. Chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng không tồn tại và chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị D và anh P có với nhau 02 con chung tên Bùi Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 06/6/2010 và Bùi Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/9/2011. Chị D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh P và chị D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; anh P không nhớ thời điểm đăng ký kết hôn; sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì đáng kể, đến năm 2018 anh P bị bắt về tội chiếm đoạt tài sản và chấp hành án đên nay, anh P không có điều kiện để chăm sóc gia đình, vì vậy nay chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh P và chị D có với nhau 02 con chung tên Bùi Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 06/6/2010 và Bùi Nguyễn Quỳnh Như, sinh ngày 28/9/2011. Anh P đồng ý giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng nếu chị D không yêu cầu thì anh P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 76 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thùy D ly hôn anh Bùi Quốc P.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy D quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Bùi Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 06/6/2010 và Bùi Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/9/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn về việc không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Bùi Quốc P; bị đơn hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức, nhưng bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú cư trú tại khu phố 3, thị trấn DT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận và đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết ly hôn với nguyên đơn.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt (đơn có xác nhận Trại giam Thủ Đức).

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội D: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội D vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 15/2009, đăng ký ngày 25/01/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, có căn cứ khẳng định chị D và anh P tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị D và anh P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị D và anh P do anh P vi phạm pháp luật dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc; hiện tại anh P đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức nên quan hệ vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 27/01/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Lê Nghĩa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh P và anh P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh P.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao 02 giấy khai sinh số 109 đăng ký ngày 20/10/2011 và số 56 đăng ký ngày 08/7/2010 tại phường Thống Nhất, thành phố Buôn Mê Thuộc, tỉnh Đắk Lắk, có cơ sở để khẳng định giữa chị D và anh P có với nhau 02 con chung tên Bùi Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 06/6/2010 và Bùi Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/9/2011.

Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; anh P đồng ý theo yêu cầu của chị D.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 27/01/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, hai cháu Bùi Nguyễn Quỳnh A và Bùi Nguyễn Quỳnh N đều thể hiện nguyện vọng được sống với chị D sau khi chị D và anh P ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của chị D phù hợp với nguyện vọng của con chung được quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[3.2] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị D và anh P về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa và ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D..

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D ly hôn anh Bùi Quốc P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2009, đăng ký ngày 25/01/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện Đức Linh giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Bùi Quốc P hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy D quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Bùi Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 06/6/2010 và Bùi Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/9/2011.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Bùi Quốc P về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0012654 ngày 09/12/2022. Chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/3/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự Pc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. DT;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận